LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

Câu 1: Tên gọi Liên minh châu Âu (EU) có từ năm nào sau đây?

A. 1963. **B.** 1973. **C.** 1983. **D.** 1993.

Câu 2: Tổng số các nước thành viên của Liên minh châu Âu (EU) hiện nay (2020) là

A. 25. **B.** 26. **C.** 27. **D.** 28.

Câu 3: Những quốc gia có vai trò sáng lập Liên minh châu Âu (EU) là

A. Italia, Pháp, Phần Lan, Đức, Thụy Điển. **B.** Pháp, Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

C. Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha. **D.** Đức, Anh, Pháp, Thụy Sĩ, Phần Lan, Bỉ.

Câu 4: Liên minh châu Âu (EU) đứng đầu thế giới về tỉ trọng

A. viện trợ phát triển thế giới. **B.** sản xuất ô tô trên thế giới.

C. xuất khẩu của thế giới. **D.** tiêu thụ năng lượng thế giới.

Câu 5: Đối với thị trường nội địa, các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU) đã

A. kí kết các hiệp định thương mại tự do. **B.** tăng thuế quan và kiểm soát biên giới.

C. áp dụng cùng một mức thuế hàng hóa. **D.** dỡ bỏ các rào cản đối với thương mại.

Câu 6: Trụ sở hiện nay của Liên minh châu Âu (EU) được đặt ở thành phố nào sau đây?

A. Brúc-xen (Bỉ). **B.** Béc- lin (Đức). **C.** Pa-ri (Pháp). **D.** Mat-xcơ-va (Nga).

Câu 7: Quá trình mở rộng các nước thành viên Liên minh châu Âu (EU) chủ yếu hướng về phía

A. Tây. **B.** Đông. **C.** Bắc. **D.** Nam.

Câu 8: Cơ quan đặt ra các định hướng chung ở Liên minh châu Âu (EU) là

A. Hội đồng bộ trưởng châu Âu. **B.** Ủy ban châu Âu.

C. Nghị viện châu Âu. **D.** Hội đồng châu Âu.

Câu 9: Tự do lưu thông tiền vốn trong Liên minh châu Âu (EU) **không** phải là việc

A. bãi bỏ các rào cản đối với giao dịch thanh toán.

B. các nhà đầu tư có thể chọn nơi đầu tư lợi nhất.

C. nhà đầu tư mở tài khoản tại các nước EU khác.

D. bỏ thuế giá trị gia tăng hàng hóa của mỗi nước.

Câu 10: Việc sử dụng chung đồng Ơ-rô trong Liên minh châu Âu (EU) **không** mang lại lợi ích trực tiếp nào sau đây?

A. Bảo vệ nền kinh tế. **B.** Tránh sự phụ thuộc.

C. Thuận tiện cho sản xuất. **D.** Xóa được sự chênh lệch.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây **không** phải thể hiện hợp tác trong sản xuất và dịch vụ của Liên minh châu Âu (EU)?

A. Mạng lưới đường bộ, sắt, cảng biển và cảng sông nối liền các nước.

B. Vận tải đường sắt ở châu Âu đang được đồng bộ hóa giữa các nước.

C. Các nước ở EU hợp tác trong việc chế tạo được loại máy bay E-bớt.

D. EU có một mạng lưới pháp luật về các lĩnh vực bảo vệ môi trường.

DẠNG THỨC 2:

Câu 1: Để phù hợp với quá trình hợp tác, phát triển và mở rộng thành viên, EU đã điều chỉnh các mục tiêu của mình, thể hiện ở Hiệp ước Li-xbon (2009). Mục tiêu mà EU đặt ra trong khu vực là xây dựng một khu vực dân chủ hơn, hiệu quả hơn và có khả năng giải quyết tốt hơn các vấn đề trong khu vực. Từ sau Hiệp ước Li-xbon, quyền lực của các cơ quan thể chế được tăng cường nhằm ra quyết định và điều hành hoạt động của EU với mục tiêu.

(Nguồn: SGK -Kết nối tri thức với cuộc sống tr.39 -NXBGD).

A. Thúc đẩy hòa bình, tự do, an toàn và hạnh phúc của công dân.

B. Thương mai tự do có tính cạnh tranh và công bằng, xóa đói giảm nghèo.

C. Phát triển bền vững dựa trên tăng trưởng kinh tế công bằng, cạnh tranh cao.

D. Đóng góp cho hòa bình, an ninh và phát triển toàn diện cho tất cả các quốc gia.

Câu 2: " Năm 1957, Cộng đồng kinh tế châu Âu được thành lập với sáu quốc gia thành viên. Năm 1967 tổ chức này hợp nhất với Cộng đồng than thép Châu Âu và cộng đồng nguyên tử Châu Âu thành cộng đồng Châu Âu. Ngày 01/11/1993, Hiệp ước Max-trich có hiệu lực, cột mốc đánh dấu sự thành lập chính thức của EU. Trải qua quá trình phát triển lâu dài, EU ngày càng mở rộng cả về số lượng thành viên, diện tích, số dân và GDP. Năm 2021, EU có 27 quốc gia thành viên, chiếm 5,7% số dân và 17,8% GDP thế giới".

(Nguồn: SGK -Kết nối tri thức với cuộc sống trang 37 -NXBGD).

A. Ngày 01/11/1993, cột mốc đánh dấu sự thành lập chính thức của EU.

B. Tiền thân sáng lập ban đầu của EU bao gồm có 8 nước thành viên.

C. Hiện nay, EU chiếm tỉ lệ cao trong GDP của thế giới, xấp xỉ 18%.

D. Qúa trình thành lập EU chỉ mở rộng về số lượng quốc gia thành viên.

Câu 3: " Năm 2021, GDP của đứng thứ ba toàn cầu, sau Hoa Kì và Trung Quốc. GDP/người đạt mức cao, gấp 3,1 lần mức trung bình của thế giới. Ba nền kinh tế lớn nhất EU là CHLB Đức, Pháp, Ý cũng là những cường quốc kinh tế trên thế giới và thuộc nhóm các quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất thế giới G7 "

- *(Nguồn: SGK -Kết nối tri thức với cuộc sống trang 40 -NXBGD).*

A. Ba quốc gia có GDP cao nhất lần lượt là Trung Quốc, Hoa Kì, EU.

B. Thu nhập bình quân đầu người của EU ở mức trung bình của thế giới.

C. Hiện nay, ba quốc gia gồm: Pháp, Ý, Đức là ba nước thuộc nhóm G7.

D. Trong 27 nước thuộc EU(2021), nền kinh tế Pháp, Đức, Ý là nổi trội nhất.

DẠNG THỨC 3:

Câu 1: Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU, GIAI ĐOẠN 2010-2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2015	2021
Xuất khẩu	5 865	6 382	8 670,6
Nhập khẩu	5 633	5 633	8016,6

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022) Căn cứ bảng số liệu trên. Tính cán cân xuất nhập khẩu năm 2021 của EU. (Làm tròn đến hàng đơn vị).

Câu 2: Theo số liệu thống kê từ Ngân hàng thế giới: năm 2021, GDP của Hoa Kỳ là 23 315,1 tỉ USD, GDP Trung Quốc đạt 17 734,1 tỉ USD. Hãy cho biết năm 2021, GDP của Hoa Kỳ gấp bao nhiêu lần GDP của Trung Quốc (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

Câu 3: Theo số liệu thống kê từ Ngân hàng thế giới: năm 2021, GDP của EU chiếm 17.8% GDP toàn cầu và lớn thứ ba trên thế giới, sau Hoa Kỳ và Trung Quốc. GDP /người của EU đạt mức cao khoảng 38 234 USD, và mức GDP/người trung bình toàn cầu khoảng 12.000 USD. GDP/người của EU gấp bao nhiêu lần mức bình quân toàn thế giới. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Câu 1: Khu vực Đông Nam Á nằm ở
A. phía đông nam châu Á. **B.** giáp với Đại Tây Dương.
C. giáp lục địa Ô-xtrây-li-a. **D.** phía bắc nước Nhật Bản.
Câu 2: Hầu hết lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á nằm trong vùng
A. khu vực xích đạo. **B.** nội chí tuyến. **C.** ngoại chí tuyến
D. bán cầu Bắc
Câu 3: Về tự nhiên, Đông Nam Á gồm hai bộ phận là
A. lục địa và hải đảo. **B.** đảo và quần đảo. **C.** lục địa và biển. **D.** biển và các đảo.
Câu 4: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Đông Nam Á?
Câu 5: Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa là có
A. nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam. **B.** nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.
C. đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa. **D.** khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.
Câu 6: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tự nhiên Đông Nam Á hải đảo?
A. Nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam. **B.** Nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.
C. Đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa. **D.** Có khí hậu cận xích đạo và xích đạo.
Câu 7: Nguồn tài nguyên khoáng sản quan trọng ở vùng thềm lục địa nhiều nước Đông Nam Á là
A. dầu khí. **B.** bôxit. **C.** than đá. **D.** quặng sắt.
Câu 8: Đông Nam Á có
A. số dân đông, mật độ dân số cao. **B.** mật độ dân số cao, nhập cư đông.
C. nhập cư ít, cơ cấu dân số già. **D.** xuất cư nhiều, tuổi thọ rất thấp.
Câu 9: Nền nông nghiệp Đông Nam Á có tính chất
A. ôn đới. **B.** cận nhiệt đới. **C.** nhiệt đới. **D.** xích đạo.
Câu 10: Ngành chiếm tỉ trọng lớn về giá trị sản xuất trong cơ cấu nông nghiệp ở nhiều các nước Đông Nam Á là
A. trồng trọt. **B.** chăn nuôi. **C.** dịch vụ. **D.** thủy sản.
Câu 11: Các nước ở Đông Nam Á xuất khẩu gạo nhiều nhất là
A. Việt Nam, In-đô-nê-xi-a. **B.** In-đô-nê-xi-a, Thái Lan.
C. Thái Lan, Việt Nam. **D.** Việt Nam, Cam-pu-chia.
Câu 12: Những vùng đồng bằng trồng lúa nước ở Đông Nam Á **không** phải là nơi nuôi nhiều
A. lợn. **B.** trâu. **C.** bò. **D.** dê.
Câu 13: Đứng đầu về sản lượng cá khai thác ở Đông Nam Á là
A. In-đô-nê-xi-a. **B.** Thái Lan. **C.** Phi-lip-pin. **D.** Việt Nam.
Câu 14: Quốc gia có sản lượng khai thác gỗ lớn nhất Đông Nam Á là
A. Phi-lip-pin. **B.** In-đô-nê-xi-a. **C.** Thái Lan. **D.** Việt Nam.
Câu 15: Khu vực Đông Nam Á tiếp giáp hai đại dương là
A. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương. **B.** Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
C. Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương. **D.** Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.
Câu 16: Phần lớn diện tích Đông Nam Á lục địa có khí hậu
A. nhiệt đới gió mùa. **B.** cận xích đạo. **C.** xích đạo. **D.** ôn đới.
Câu 17: Phát biểu nào sau đây đúng với dân cư Đông Nam Á hiện nay?
A. Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử giảm. **B.** Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử tăng.
C. Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử tăng. **D.** Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử giảm.
Câu 18: Điểm giống nhau về tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo là đều có
A. khí hậu nhiệt đới gió mùa. **B.** nhiều đồng bằng phù sa lớn.
C. các sông lớn hướng bắc nam. **D.** các dãy núi và thung lũng rộng.

Câu 19: Mục đích chủ yếu của việc trồng cây công nghiệp lấy dầu ở Đông Nam Á là

A. mở rộng xuất khẩu thu ngoại tệ. **B.** phá thế độc canh trong nông nghiệp.

C. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới. **D.** cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.

Câu 20: Đặc điểm chung của khí hậu khu vực Đông Nam Á là

A. lạnh, khô. **B.** nóng, ẩm. **C.** khô, nóng. **D.** lạnh, ẩm.

DẠNG THỨC 2

Câu 1. Cho thông tin sau:

Đại bộ phận khu vực Đông Nam Á nằm trong các đới khí hậu xích đạo và nhiệt đới, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và các ngành kinh tế khác. Tuy nhiên, khu vực Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt,…

a) Khu vực có nhiệt độ cao, độ ẩm lớn, lượng mưa nhiều tạo điều kiện cho thực vật phát triển.

b) Các thiên tai bão, lũ lụt, áp thấp nhiệt đới gây thiệt hại đáng kể cho sản xuất và đời sống.

c) Đông Nam Á lục địa chủ yếu có kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa.

d) Khí hậu Đông Nam Á thuận lợi cho phát triển nông nghiệp với cơ cấu cây trồng, vật nuôi có nguồn gốc ôn đới.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

QUY MÔ, CƠ CẤU VÀ TỈ LỆ TĂNG TỰ NHIÊN CỦA DÂN SỐ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

Năm **Chỉ tiêu**		**2000**	**2010**	**2020**
Quy mô dân số *(triệu người)*		525,0	596,8	668,4
Cơ cấu dân số *(%)*:	- Dưới 15 tuổi	31,8	28,0	25,2
	- Từ 15 đến 64 tuổi	63,3	66,0	67,7
	- Từ 65 tuổi trở lên	4,9	6,0	7,1
Tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số *(%)*		1,6	1,3	1,1

(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

a) Quy mô dân số lớn.

b) Cơ cấu dân số già.

c) Tỉ lệ tăng tự nhiên dân số giảm nhưng còn cao

d) Nguồn lao động đông.

Câu 3: "Dịch vụ có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nhanh các hoạt động kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và bảo vệ môi trường. Ngành này phát triển với tốc độ khá nhanh, ti trọng đóng góp ngày càng cao trong cơ câu GDP của khu vực (năm 2020 là 49,7

%). Cơ cấu ngành dịch vụ ngày càng đa dạng. Hiện nay, nhiều nước đã đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng quy mô, ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng dịch vụ."

(Trích SGK Cánh diều – NXB GD Việt Nam)

a. Cơ sở hạ tầng dịch vụ các nước Đông Nam Á phát triển tốp đầu thế giới.

b. Dịch vụ đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển kinh tế của tất cả các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

c. ĐNA là một trong những điểm đến phổ biến của khách du lịch quốc tế.

d. Một số thành phố là trung tâm dịch vụ hàng đầu của khu vực và thế giới: Xin-ga-po, Cu-a-la – lăm pơ, Băng Cốc…

Câu 4:

Bảng 14. Số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch khu vực Đông Nam Á, giai đoạn 2005 – 2019

Năm	2005	2010	2015	2019
Số lượt khách (triệu lượt người)	49,3	70,4	104,2	138,5
Doanh thu (tỉ USD)	33,8	68,5	108,5	147,6

(Nguồn: UNWTO, 2007, 2016, 2020)

a. Số lượng khách du lịch quốc tế đến khu vực ĐNA ngày càng tăng.

b. Doanh thu du lịch năm 2015-2019 tăng 38,5 tỉ USD.

c. Ngành du lịch đã và đang được đầu tư hiện đại hơn, đáp ứng tốt nhu cầu nghỉ dưỡng của khách hàng, đặc biệt là khách nước ngoài.

d. Biểu đồ cột là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch khu vực ĐNA giai đoạn 2015-2019.

Câu 5:

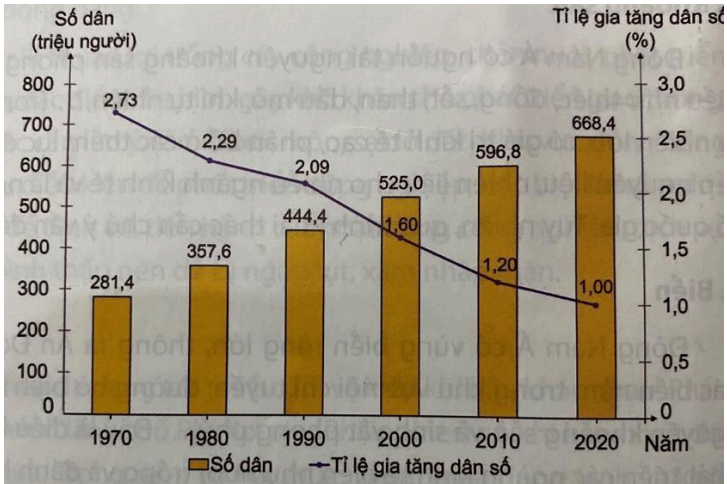

Hình 12.3. Số dân và tỉ lệ gia tăng dân số khu vực Đông Nam Á, giai đoạn 1970 – 2020

(Nguồn: WB, 2022

hai thác các nguồn tài nguyên.

a. Tỉ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm và quy mô dân số có xu hướng giảm.

b. Quy mô dân số lớn, ĐNA có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ hàng hoá rộng lớn.

c. ĐNA có cơ cấu dân số trẻ, đang có xu hướng ngày càng già.

d. ĐNA có mật độ dân số cao và phân bố hợp lí thuận lợi cho việc sử dụng lao động và khai thác các nguồn tài nguyên.

Câu 6: Đọc thông tin sau:

Du lịch có vai trò ngày càng quan trọng ở Đông Nam Á. Số lượng khách du lịch và doanh thu du lịch ngày càng tăng. Năm 2021, ngành du lịch đóng góp hơn 393 ti USD vào GDP của khu vực. Đông Nam Á là một trong những điểm đến phổ biến của khách du lịch quốc tế và thu hút khoảng 10% tổng lượng khách du lịch toàn cầu.

a. Đông Nam Á phát triển cả du lịch tự nhiên và du lịch văn hóa.

b. Đông nam Á có nhiều di sản được UNESCO ghi danh như: Vịnh Hạ Long, quần thể di tích đền Ăng-co… để thu hút khách du lịch.

c. Các quốc gia phát triển du lịch biển của khu vực Đông Nam Á như: Cam-pu-chia, Thái Lan, Việt Nam.

d. Du lịch Đông Nam Á đóng góp không đáng kể vào GDP ngành dịch vụ của khu vực.

DẠNG THỨC 3

Câu 1. Cho bảng số liệu: *Tỉ suất sinh và tỉ suất tử của một sô nước giai đoạn 2015 – 2020.* (Đơn vị: %o)

Nước	**Nam Phi**	**Ma-lai-xi-a**	**Bun-ga-ri**	**An-ba-ni**
Tỉ suất sinh (%o)	20,7	16,8	9,0	11,8
Tỉ suất tử	9,5	5,1	15,4	7,8

Theo bảng số liệu, tính tỉ suất gia tăng tự nhiên của Ma-lai-xi-a?

Câu 2. Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	**Thái Lan**	**Ma-lai-xi-a**	**Phi-lip-pin**	**Mi-an-ma**
Xuất khẩu	258,2	207,0	91,1	22,6
Nhập khẩu	233,4	185,3	119,2	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng sô liệu, tính cán cân xuất nhập khẩu của Mi-an-ma năm 2020.

Câu 3: Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ DÂN, SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA THÁI LAN VÀ IN-ĐÔ-NÊ-XI-A, NĂM 2000 VÀ NĂM 2020

(Đơn vị: triệu người)

Năm	**Thái Lan**		**In-đô-nê-xi-a**	
	Tổng số dân	**Số dân thành thị**	**Tổng số dân**	**Số dân thành thị**
2000	62,9	19,8	211,5	88,6
2020	69,8	35,7	271,7	154,2

(Nguồn: Niên giám thông kê Việt Nam 2020, NXB Thông kê, 2021)

Theo bảng số liệu, em hãy cho biết tỷ lệ dân nông thôn của Thái Lan năm 2020.

Câu 4: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH

(Đơn vị ^oC)

Tháng	**I**	**II**	**III**	**IV**	**V**	**VI**	**VII**	**VIII**	**IX**	**X**	**XI**	**XII**

Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
TP. Hồ Chí Minh	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, em hãy cho biết dao động nhiệt độ của Hà Nội?.

Câu 5. Năm 2020,dân số thế giới 7,821 tỉ người,dân số của Liên Bang Nga là 145,9 triệu người. Tính tỉ trọng dân số của Liên Bang Nga năm 2020.

Câu 6: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015-2019

Năm	2015	2016	2018	2019
Điện *(tỉ kwh)*	157,9	175,7	209,2	227,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu, em hãy tính tốc độ tăng trưởng sản lượng điện nước ta giai đoạn 2015-2019. (Làm tròn đến phần nguyên)

HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

Câu 1: Các nước đầu tiên tham gia thành lập ASEAN là

A. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Lào.

B. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.

C. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.

D. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.

Câu 2: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập năm nào sau đây?

A. 1957. **B.** 1967. **C.** 1989. **D.** 1995.

Câu 3: Cơ quan nào sau đây có nhiệm vụ chuẩn bị các cuộc họp cấp cao ASEAN?

A. Cấp cao ASEAN.

B. Hội đồng điều phối ASEAN.

C. Các Hội đồng cộng đồng ASEAN.

D. Các cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng ASEAN.

Câu 4: Nước gia nhập ASEAN vào năm 1995 là

A. Bru-nây. **B.** Việt Nam. **C.** Mi-an-ma. **D.** Lào.

Câu 5: Mục tiêu tổng quát của ASEAN là

A. thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, tiến bộ xã hội của tất cả các nước.

B. xây dựng khu vực hòa bình, ổn định, có nền kinh tế, văn hóa và xã hội phát triển.

C. đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, an ninh, ổn định và cùng phát triển.

D. giải quyết những mâu thuẫn giữa ASEAN với các nước và tổ chức quốc tế khác.

Câu 6: Nhân tố nào sau đây đã ảnh hưởng nhiều nhất tới môi trường đầu tư của một số nước ASEAN hiện nay?

A. Ô nhiễm môi trường. **B.** Mất ổn định xã hội.

C. Phân hóa giàu nghèo. **D.** Lao động thất nghiệp.

Câu 7: Phát biểu nào sau đây đúng với ASEAN hiện nay?

A. Là một tổ chức lớn mạnh hàng đầu thế giới. **B.** Các nước có trình độ phát triển giống nhau.

C. Mở rộng hợp tác với nhiều nước bên ngoài. **D.** Mức sống dân cư tương đồng giữa các nước.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây đúng với ASEAN hiện nay?

A. Hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. **B.** Là liên minh kinh tế, quân sự của khu vực.

C. Không liên kết với các quốc gia bên ngoài. **D.** Mức sống dân cư tương đồng giữa các nước.

Câu 9: ASEAN tạo ra một môi trường hòa bình và ổn định là cơ sở vững chắc để

Câu 10: Vấn đề nào sau đây đòi hỏi các quốc gia ASEAN phải có sự hợp tác chặt chẽ với nhau?

A. Biến đổi khí hậu. **B.** Xuất khẩu nông sản.

C. Ngăn chặn phá rừng. **D.** Bùng nổ dân số.

DẠNG THỨC 2

Câu 1. Cho thông tin sau:

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 8/8/1967 với 5 thành viên ban đầu, phát triển dần thành một tổ chức khu vực hợp tác toàn diện, chặt chẽ với 10 thành viên và trở thành "mái nhà chung" của 10 quốc gia Đông Nam Á. Chuyển mình sang giai đoạn phát triển mới, ngày 31/12/2015, ASEAN chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN nhằm xây dựng một Cộng đồng hướng tới người dân, lấy người dân làm trung tâm, trên nền tảng pháp lý là Hiến chương ASEAN và Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN năm 2025.

Nguồn: nhandan.vn

a) ASEAN được thành lập tại Hà Nội với 5 thành viên là Việt Nam, Lào, Camphuchia, Thái Lan và Singapore.

b) "…..duy trì một khu vực không có vũ khí hạt nhân và vũ khí hủy diệt hàng loạt" là một trong những nội dung của Hiến chương ASEAN.

c) Sự kiện đánh dấu bước phát triển mới của ASEAN là sự ra đời của Cộng đồng văn hóa ASEAN. (Sai)

d) Cấp cao ASEAN là cơ quan hoạch định chính sách cao nhất của ASEAN.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Các quốc gia Đông Nam Á dường như đang đứng ngoài nguy cơ suy thoái kinh tế do lạm phát, giá nhiên liệu và lương thực tăng kỷ lục. Bốn trong số sáu nền kinh tế lớn nhất ASEAN là Việt Nam, Malaysia, Indonesia và Philippines, có tổng sản phẩm quốc nội đang tăng nhanh hơn lạm phát, theo một phân tích của tạp chí kinh tế Financial Times dựa trên dữ liệu của chính phủ.

Nguồn: vtv.vn

a) Thành tựu trong kinh tế của ASEAN là trở thành một khu vực kinh tế năng động và có tốc độ phát triển cao.

b) Các tổ chức kinh tế của khu vực là NAFTA, AEC, ATIGA.

c) Các quốc gia ASEAN có trình độ phát triển kinh tế ít có sự chênh lệch.

d) Việt Nam là một trong 6 quốc gia có nền kinh tế lớn nhất ASEAN.

DẠNG THỨC 3:

Câu 1. Biết diện tích tự nhiên của Việt Nam là 331 212 km^2, số dân năm 2022 là 99,47 triệu người (niên giám thống kê năm 2022). Vậy mật độ dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu người/km^2? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km^2)

Câu 2. Năm 2021, GDP Thái Lan đạt 407,03 tỷ USD, tổng số dân là 70 triệu người. Tính GDP bình quân trên đầu người của Thái Lan năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của USD/người)

Câu 3. Năm 2020, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa nội khối ASEAN đạt 549,8 tỷ USD; kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ngoại khối đạt 2.041,4 tỷ USD. Tính tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa toàn khu vực ASEAN năm 2020. Đơn vị tỷ USD.

Câu 4. Năm 2020, lượng khách du lịch đến ASEAN là 26,1 triệu lượt khách. Trong đó, khách du lịch quốc tế chiếm là 65,1%. Hỏi năm 2020 số khách du lịch quốc tế đến ASEAN là bao nhiêu triệu lượt khách? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu lượt khách)

KHU VỰC TÂY NAM Á

1. Nhận biết

Câu 1: Tây Nam Á có vị trí địa lí ở

A. tây nam châu Á. **B.** giáp Đông Á và Tây Á.

C. liền kề đất liền châu Phi. **D.** giáp Thái Bình Dương.

Câu 2: Tây Nam Á giáp châu Phi qua

A. kênh đào Xuy-ê và Biển Đỏ. **B.** Biển Đỏ và Địa Trung Hải.

C. Địa Trung Hải và Biển Đen. **D.** Biển Đen và kênh đào Xuy-ê.

Câu 3: Khí hậu Tây Nam Á chủ yếu mang tính chất

A. nóng ẩm. **B.** nóng khô. **C.** lạnh khô. **D.** lạnh ẩm.

Câu 4: Loại khoáng sản có trữ lượng lớn và mang về nguồn thu cao ở Tây Nam Á là

A. quặng sắt và crôm. **B.** dầu mỏ và khí đốt. **C.** atimoan và đồng. **D.** apatit và than đá.

Câu 5: Điều kiện tự nhiên Tây Nam Á thuận lợi chủ yếu cho phát triển

A. trồng cây lương thực. **B.** chăn nuôi gia súc lớn.

C. khai thác dầu khí. **D.** trồng cây công nghiệp.

Câu 6: Ngành kinh tế đóng góp chủ yếu trong nền kinh tế khu vực Tây Nam Á là

A. dầu khí. **B.** trồng trọt. **C.** chăn nuôi. **D.** thủy sản.

Câu 7: Nước nào sau đây có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất ở Tây Nam Á?

A. Cô-oét. **B.** I-rắc.

C. A-rập Xê-út. **D.** Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất.

Câu 8: Vị trí địa lí Tây Nam Á án ngữ đường biển quốc tế từ

A. Thái Bình Dương sang Đại Tây Dương. **B.** Đại Tây Dương sang Ấn Độ Dương.

C. Ấn Độ Dương sang Nam Đại Dương. **D.** Nam Đại Dương sang Thái Bình Dương.

Câu 9: Khí hậu khô hạn ở Tây Nam Á đã tạo nên

A. địa hình có nhiều núi cao và cao nguyên. **B.** cảnh quan hoang mạc và bán hoang mạc.

C. đồng bằng châu thổ sông Lưỡng Hà rộng. **D.** bán đảo A-ráp và các vùng hoang mạc.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây **không** phải là khó khăn chủ yếu của tự nhiên Tây Nam Á?

A. địa hình phổ biến là núi và cao nguyên. **B.** tình trạng thiếu nguồn nước trong năm.

C. sự hoang mạc hóa ngày càng mở rộng. **D.** đồng bằng ven biển bị xâm nhập mặn.

Câu 11: Tôn giáo nào sau đây được coi là quốc giáo ở nhiều nước Tây Nam Á?

A. Do Thái giáo. **B.** Thiên chúa giáo. **C.** Phật giáo. **D.** Hồi giáo.

Câu 12: Khu vực Tây Nam Á **không** có đặc điểm nào sau đây?

A. Vị trí địa lý mang tính chiến lược.

B. Nguồn tài nguyên dầu mỏ giàu có.

C. Sự can thiệp tranh giành ảnh hưởng của các nước lớn.

D. Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

Câu 13: Yếu tố tinh thần có ảnh hưởng bao trùm đến toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị và xã hội của khu vực Tây Nam Á là

A. Văn học. **B.** Nghệ thuật. **C.** Tôn giáo. **D.** Bóng đá.

Câu 14: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của khu vực Tây Nam Á có sự biến động theo từng giai đoạn do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Giá dầu biến động, xung đột vũ trang và dịch bệnh.

B. Biến đổi khí hậu, động đất và cháy rừng nhiều nơi.

C. Xung đột sắc tộc, khủng hoảng kinh tế và thiên tai.

D. Đại dịch Covid-19, động đất nhiều nơi, chiến tranh.

DẠNG THỨC 2

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á VÀ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

(Đơn vị : %)

Năm	2010	2015	2019	2020
Tây Nam Á	6,0	1,1	1,8	-6,3
Thế giới	4,5	3,0	2,6	-3,3

(Nguồn : WB, 2022)

Tốc độ tăng trưởng GDP của thế giới và khu vực Tây Nam Á và thế giới giai đoạn 2010 - 2020:

a. Tốc độ tăng trưởng GDP của TNA không ổn định.

b. Giai đoạn 2019-2020, tốc độ tăng GDP của Tây Nam Á giảm 7,1%.

c. Năm 2010 tốc độ tăng GDP của Tây Nam Á cao hơn thế giới 1,5%.

d. Biểu đồ đường là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP của Tây Nam Á so với thế giới giai đoạn 2010 – 2020.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau.

"…Tây Nam Á là nơi khởi nguồn của nhiều tôn giáo chính đó là Do Thái giáo, Kito giáo và Hồi giáo. Hồi giáo là tôn giáo phổ biến trên toàn khu vực. Tây Nam Á là nơi xuất hiện cả nhiều nên văn minh cổ đại, cũng là nơi có nhiều di sản vật thể và phi vật thể nổi tiếng thế giới được UNESCO công nhận như: thành cổ Pê-tra (giooc-da-ni), Thành cổ Shi-men (Y-ê-men), thành phố di sản Sa-ma-ra (I-rắc). Khu vực có nhiều lễ hội, phong tục tập quán đặc sắc, đây là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch."

(Trích SGK kết nối tri thức- trang 72- NXB Giáo dục Việt Nam).

a. Khu vực Tây Nam Á có nhiều quốc gia có nền văn minh cổ đại.

b. Phần lớn dân cư Tây Nam Á theo dạo Do Thái .

c. Vườn treo Babylon là một trong Bảy kỳ quan thế giới cổ đại.

d. Tây Nam Á là điểm nóng của thế giới, nguyên nhân chính là do chiếm 50% trữ lượng dầu mỏ trên thế giới.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau.

"…Khu vực Tây Nam Á sở hữu trên 50% trữ lượng dầu mỏ và khoảng trên 40% trữ lượng khí tự nhiên trên thế giới (năm 2020), tập trung ở các quốc gia quanh vịnh Péc-Xích. Ngoài ra Tây Nam Á còn có những tài nguyên khoáng sản khác như than đá, sắt, crôm, đồng, phốt phát…"

(Trích SGK kết nối tri thức- trang 69- NXB Giáo dục Việt Nam).

a. Kinh tế của nhiều quốc gia trong khu vực không phụ thuộc vào việc khai thác, chế biến, xuất khẩu dầu mỏ.

b. Tây Nam Á là điểm nóng của thế giới do chiếm 50% trữ lượng dầu mỏ trên thế giới.

c. Trữ lượng dầu mỏ của Tây Nam Á phân bố đồng đều ở các quốc gia trong khu vực.

d. Dầu mỏ là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp trong khu vực.

DẠNG THỨC 3

Câu 1. Dân số của khu vực Tây Nam Á năm 2020 là 402,5 triệu người, diện tích là 7 triệu km^2. Tính mật độ dân số của khu vực Tây Nam Á vào năm 2020?

Câu 2. Khu vực Tây Nam Á năm 2020 dân số là 402,5 triệu người, trong đó số dân thành thị là 289,8 triệu người . Tính tỉ lệ dân thành thị của khu vực Tây Nam Á vào năm 2020?

Câu 3. Dân số số của khu vực Tây Nam Á năm 2020 là 402,5 triệu người, trong đó dân số nam là 209,3 triệu người. Tính tỉ số giới tính của dân số khu vực Tây Nam Á vào năm 2020?

Câu 4. Năm 2020, thế giới có tổng số dân là 7820 triệu người, khu vực Tây Nam Á có 402,5 triệu người. Cho biết năm 2020 khu vực Tây Nam Á chiếm bao nhiêu % dân số thế giới? *(làm tròn kết quả đến hàng thập phân thứ nhất của %).*